TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2019/DS-PT
Ngày 19- 4-2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương

Bà Lưu Hồ Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 tháng 3 và 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 02/2019/TLPT-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2019/QĐ-PT, ngày 31 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Lê Thanh Đ, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số nhà 27, tổ 15, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thanh Đ: Ông Đàm Ngọc S, địa chỉ: Tổ 22, phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

2. Bị đơn:

- Bà Đào Thị X, sinh năm 1951. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị X: Ông Triệu Văn X, sinh năm 1947. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số nhà 158, tổ 11, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Lê Thanh H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà 25, tổ 15, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

- Ông Lê H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 1, phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Triệu Quyết T, sinh năm 1975.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982

Anh Triệu Quyết T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị L.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh T có mặt, chị L vắng mặt

- Ông Lê Đức A (Đào Đức A), sinh năm 1949

Địa chỉ: Tổ 1, phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

- Ông Lê Thành C, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 4, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

- Bà Lê Thị V, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 1, phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thanh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thanh Đ trình bày:

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đào Thị X trả lại đất cho bà, có diện tích là 61,5m^2 trong đó có chiều sâu là 18,5 m, có chiều bám mặt đường bê tông là 3,3m. Nguồn gốc đất là do bố mẹ để lại, khi bố mẹ bà chết không để lại di chúc. Đến ngày 12 tháng 7 năm 2010 các anh em trong gia đình đã họp thống nhất phân chia đất tại nhà ông Lê H tổ 1, phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Các anh chị em đã họp và phân chia như sau: Ông Lê H có công chăm sóc, thờ cúng bố mẹ được chia là 9,1m, ông Lê Thành C được chia là 4m, bà V được chia là 4m và hai nếp nhà cũ; bà Đ, bà H, ông A, bà X mỗi người được chia 3,3m chiều ngang bám mặt đường và chiều sâu thì dọc theo thổ đất; Các anh chị em không ai thắc mắc gì, khi lập biên bản cuộc họp bà Đ được cử là thư ký cuộc họp, sau khi họp xong tất cả bẩy người cùng ký vào biên bản. Ông H đã cầm biên bản cuộc họp này để làm sổ đỏ. Mọi người đã cùng nhau nộp tiền để chuyển đổi 120m^2 thành đất thổ cư. Đến tháng 10 năm 2011 ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông C cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại đang chờ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thế nhưng đến tháng 7 năm 2012 bà X xây nhà lấn sang đất của bà, bà đã đòi nhưng bà X không trả và đã xây nhà xong. Theo bà Đ sau khi phân chia xong bà đã ra nhận đất của bà.

Bà Đ nộp cho Toà án bản phô tô, chữ bà viết do gia đình cử bà làm thư ký ghi biên bản buổi họp hôm đó. Vì gia đình nhà ông H không có máy tính và gia đình bà không ai biết đánh máy cho nên bản chính là viết tay, ngoài ra không có bản đánh máy. Bà Đ yêu cầu Tòa án buộc gia đình bà X và các bị đơn khác trả lại phần đất của bà.

Bà hoàn toàn bác bỏ các tài liệu chứng cứ do ông X, ông H cung cấp. Bà chỉ tham gia cuộc họp ngày 12/7/2010. Về giấy biên nhận ngày 15/8/2012 đúng là chữ ký chữ viết của bà (bà viết nháp và bị mất cắp). Bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà X trả lại diện tích đất đã lấn chiếm đất cho bà. Bà hoàn toàn nhất trí diện tích đất được chia là 3,3m chiều ngang bám mặt đường bê tông, chiều sâu khoảng 18,5m chạy dài hết đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Đ yêu cầu bà X phải trả lại cho bà diện tích là 2,4m chiều ngang, chiều sâu cho đến hết đất do bà X lấn chiếm rồi cho con trai Triệu Quyết T làm nhà.

** Bị đơn trình bày*

- Ông Triệu Văn X người đại diện theo uỷ quyền của bà Đào Thị X trình bày về nguồn gốc đất như sau: Toàn bộ mảnh đất tại tổ 1, phường Q, thành phố T, là của bố mẹ bà X (vợ ông) để lại. Đến ngày 02/01/2011 các anh chị em trong gia đình có họp thống nhất giao cho ông Lê H đứng tên làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011. Sau khi ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã phân chia cho từng anh chị em. Sau khi được chia bà X được chia đất năm 2012 xây nhà cho con trai là Triệu Quyết T trên phần đất được chia không hề chiếm đất của bà Đ.

- Ông Lê H trình bày: Đất đã phân chia đất đều cho các anh chị em trong gia đình, tất cả các anh, chị, em không ai có ý kiến gì. Ông không hiểu sao bà Đ vẫn khởi kiện, gây khó dễ cho mọi người.

- Bà Lê Thanh H trình bày: Bà Đ có giấy kiện lên Toà cho rằng bà cướp đất là không đúng. Anh chị em trong gia đình ai cũng được chia bà Đ cũng có phần như những người khác, các anh chị em không ai đứng về phía bà Đ cả. Còn các giấy tờ đi kiện của bà Đ đều là không đúng sự thật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông H, bà V, ông C cùng trình bày: Gia đình đã phân chia đất cho các anh em trong gia đình, bà Đ được chia 3,3m nhưng vị trí như bà Đ kiện tranh chấp là không đúng.

- Anh T trình bày: Anh được mẹ anh là bà X cho đất, sau đó ông Lê H là người đại diện cho các anh chị em trong gia đình đã tách đất cho anh ở vị trí như hiện nay, không có chuyện lấn đất của bà Đ.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2018/DS-ST, ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Quyết định:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dận sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh.

- Căn cứ vào điểm d và đ khoản 2 Điều 97 và Điều 101, Điều 104 Bộ luật tố tụng dận sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh Đ về việc kiện yêu cầu bà Đào Thị X trả lại diện tích đất lấn chiếm có chiều rộng là 2,4m, chiều dài hết đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thanh Đ đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 92/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T. Lý do kháng cáo: Hội đồng xét xử vụ kiện sai luật, không đúng nội dung đơn khởi kiện ngày 18/10/2017, xử không công bằng, không đúng theo pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn bà Lê Thanh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày vị trí đất bà Đ anh em trong gia đình họp bàn thống nhất chia cho bà là tại vị trí giáp đất của bà H mà hiện nay anh T đang sử dụng trái phép, bà yêu cầu anh T phải phá dỡ nhà để trả lại cho bà mảnh đất đó chứ bà không đồng ý lấy bất cứ mảnh đất nào khác. Bà yêu cầu chuyển hồ sơ sang cơ quan công an để giải quyết do có dấu hiệu giả mạo giấy tờ của phía bị đơn.

Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ với lý do tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới. Những chứng cứ bà Đ đã dùng để bảo vệ quyền lợi của bà đều là những chứng cứ không khách quan, không có thật.

Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm ông Lê H đã nộp tạm ứng chi phí 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), tại phiên tòa Ông H nhận chịu toàn bộ số tiền này, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn

kháng cáo của bà Lê Thanh Đ là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Bà Đ khởi kiện nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh vị trí mảnh đất của bà là do bà X lấn chiếm do đó không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà Đ được sử dụng mảnh đất tại vị trí số 1 mà cần giao cho bà Đ được sử dụng mảnh đất tại vị trí số 5 thể hiện trong sơ dồ đo vẽ ngày 15/3/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số 92/2018/DS-ST, ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thanh Đ: Bà Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 92/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, việc kháng cáo của bà Đ là hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng về nguồn gốc mảnh đất có tranh chấp là của cụ Lê Viết N (đã chết năm 1977) và cụ Nguyễn Thị H (đã chết năm 1990), có chiều rộng bám mặt đường khoảng 30m, chiều dài khoảng 18m. Cụ N và cụ H chết không để lại di chúc. Đến năm 2011 các anh, chị, em trong gia đình gồm có ông A, bà Xuân, bà Đ, ông C, bà H, ông H, bà V cùng nhất trí thỏa thuận để ông Lê H đứng ra đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông H sẽ chia lại cho các anh, chị em trong gia đình theo như thỏa thuận. Trong quá trình họp bàn chia đất các đương sự chỉ thỏa thuận về diện tích đất được chia (theo cách hiểu ai có nhu cầu sử dụng trước sẽ được ông Lê H tách cho trước) chứ không thỏa thuận về vị trí được chia của từng người. Các đương sự không có tranh chấp về diện tích đất được chia mà chỉ tranh chấp về vị trí sử dụng đất.

Nguyên đơn bà Lê Thanh Đ cho rằng chỉ có một cuộc họp gia đình ngày 12/7/2010 bà Đ tham gia họp để phân chia di sản, tại buổi họp bà Đ phân công ghi biên bản, nhưng bà không còn bản chính của biên bản này để nộp cho Toà án. Bà Đ cho rằng theo biên bản này phần đất mà bà Đ chia là 3,3m chiều ngang, chiều sâu 18m. Tính từ bờ kè sông Lô vào thì vị trí đất của bà H là số 1, của bà Đ là số 2. Nếu tính từ nhà ông H ra bờ kè sông Lô thì đất của bà có vị trí thứ 6. Bà Đ xác định ngày 12/7/2012 bà Đào Thị X tiến hành đào móng làm nhà cho con trai đã đào lấn sang phần đất của bà Đ chia là 2,4m chiều ngang, chiều sâu 18m. Bà yêu cầu bà X trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 61,5m^2. Bà Đ cho rằng biên bản họp gia đình ngày 02/01/2011 không phải chữ ký của bà và đã có kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng trong

quá trình giải quyết vụ án bà Đ không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào thể hiện là vị trí đất của bà Đ được chia ở giáp đất bà H. Về giấy tờ nộp thuế chuyển đổi mục đích sử dụng đất do bà Đ đi nộp cũng không xác định đất của bà Đ chia ở đâu. Biên bản ngày 02/01/2011 có kết luận chữ ký không phải của bà Đ, tuy nhiên tại biên bản này không ghi vị trí đất của bà Đ. Hơn nữa, tại giấy biên nhận viết tay ngày 15/8/2012 bà Đ viết cho ông Lê H toàn bộ 3,3m đất bà Đ chia thừa kế cũng không ghi vị trí đất của bà Đ ở đâu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn không đưa ra được bất kỳ một chứng cứ nào có căn cứ thể hiện vị trí đất thuộc quyền sử dụng của mình, do đó không có căn cứ xác định bà X đã lấn, chiếm đất của bà Đ. Các anh chị em trong gia đình là ông A, ông C, ông H, bà H, bà V cũng xác định phần đất của bà Đ có chiều ngang 3,3m, chiều sâu hết đất vẫn còn ở giáp đất nhà bà V không ai sử dụng đến.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có đủ căn cứ xem xét, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thanh Đ. Việc cấp sơ thẩm đưa ra nhận định và quyết định như trong Bản án sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 92/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân thành phố T.

Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang giao cho bà Đ được sử dụng mảnh đất tại vị trí số 5 trong sơ đồ mảnh trích đo hiện trạng thửa đất số 135 tờ bản đồ số 28 (đo vẽ thẩm định ngày 15/3/2019). Tuy nhiên, bà Đ không có yêu cầu sử dụng mảnh đất này, nội dung này không trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có căn cứ giao cho bà Đ sử dụng mảnh đất ở vị trí số 5 như đề nghị của Viện kiểm sát.

Đối với đề nghị của nguyên đơn về việc đề nghị chuyển hồ sơ vụ án tới cơ quan Công an để giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng không có dấu hiệu vi phạm hình sự trong vụ án này nên không có căn cứ chuyển vụ án cho cơ quan Công an giải quyết như yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thanh Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng, bà Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4]. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ

ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thanh Đ.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 92/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T như sau:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh Đ về việc kiện yêu cầu bà Đào Thị X trả lại diện tích đất lấn chiếm có chiều rộng 2,4m, chiều dài hết đất.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thanh Đ được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 19/4/2019.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Tuấn Tú